Ủy ban nhân dân
Tỉnh Ninh Thuận
04-01-2021 15:20:28

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 60 /2020/QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 31 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 4382/SKHĐT-TH ngày 29/12/2020 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp số 2461/BC-STP ngày 25/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 cho các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 quy định tại Quyết định này là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh, huyện, thành phố. Đồng thời là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm.

Điều 3. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

1. Nguyên tắc phân bổ vốn

a) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan, nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của Quy hoạch 10 năm, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của tỉnh.

b) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư công.

c) Bảo đảm tương quan hợp lý về trình độ phát triển giữa các vùng, các địa phương trong tỉnh, trong đó ưu tiên vùng đồng bào dân tộc miền núi, vùng khó khăn, xã an toàn khu, vùng an toàn khu; Đồng thời ưu tiên địa phương xây dựng đô thị thông minh, khu kinh tế trọng điểm của tỉnh, huyện xây dựng đô thị loại 4, huyện có quy hoạch khu du lịch quốc gia theo Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ về việc thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018 - 2023.

d) Phân bổ vốn đầu tư tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn.

đ) Dành tối đa 30% vốn ngân sách địa phương phần trung ương cân đối, không bao gồm tiền thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, vốn tăng thu, kết dư ngân sách địa phương để hỗ trợ các huyện, thành phố.

2. Tiêu chí, định mức phân bổ vốn: Gồm 5 tiêu chí

a) Tiêu chí dân số, gồm 2 tiêu chí thành phần: Số dân của các huyện, thành phố và số người dân tộc thiểu số.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm 2 tiêu chí thành phần: Tỷ lệ hộ nghèo và thu ngân sách theo phân cấp của các huyện, thành phố.

c) Tiêu chí diện tích, gồm 2 tiêu chí thành phần: Diện tích đất tự nhiên của địa phương và tỷ lệ che phủ rừng.

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính, gồm 2 tiêu chí thành phần: Số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn và số xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang ven biển.

đ) Tiêu chí bổ sung, gồm 7 tiêu chí thành phần: (1) Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh, (2) Xây dựng đô thị hiện đại, thông minh, (4) Huyện có quy hoạch

khu du lịch quốc gia theo Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ, (4) Vùng an toàn khu và (5) Xã an toàn khu, (6) Huyện có đồng bào dân tộc thiểu số miền núi chiếm tỷ lệ từ 50% trở lên nhưng không được hưởng chính sách 30a, (7) Huyện xây dựng đô thi loại 4.

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí

a) Điểm tiêu chí dân số

- Điểm của tiêu chí dân số:

+ Các địa phương có dân số đến 30 nghìn người được tính 10 điểm.

+ Các địa phương có dân số trên 30 nghìn người đến 60 nghìn người, từ 0 đến 30 nghìn người được tính 10 điểm, phần còn lại cứ 6 nghìn người tăng thêm (chiếm 1/5 mức khởi điểm) được tính 2 điểm.

+ Các địa phương có dân số trên 60 nghìn người đến 120 nghìn người, từ 0 đến 60 nghìn người được tính 20 điểm, phần còn lại cứ 6 nghìn người tăng thêm được tính 1 điểm.

+ Các địa phương có dân số trên 120 nghìn người, từ 0 đến 120 nghìn người được tính 30 điểm, phần còn lại cứ 6 nghìn người tăng thêm được tính 0,5 điểm.

(Dân số trung bình của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu điều tra dân số năm 2019 của Cục thống kê tỉnh)

- Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số: Cứ 2,9 nghìn người dân tộc thiểu số được tính 0,5 điểm.

(Số người dân tộc thiểu số của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu điều tra dân số năm 2019 của Cục thống kê tỉnh)

b) Điểm tiêu chí trình độ phát triển

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo: Cứ 1% hộ nghèo được 0,1 điểm.

(Tỷ lệ hộ nghèo để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu được ban hành tại Quyết định số 1884/QĐ-UBND ngày 26/11/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

- Điểm của tiêu chí thu ngân sách theo phân cấp của các huyện, thành phố.

+ Các địa phương có số thu ngân sách đến 13 tỷ đồng được tính 4 điểm.

+ Các địa phương có số thu ngân sách trên 13 tỷ đồng đến 104 tỷ đồng, được tính 3 điểm.

+ Các địa phương có số thu ngân sách trên 104 tỷ đồng đến 208 tỷ đồng, được tính 2 điểm.

+ Các địa phương có số thu ngân sách trên 208 tỷ đồng đến 260 tỷ đồng, được tính 1 điểm.

+ Các địa phương có số thu ngân sách trên 260 tỷ đồng, được tính 0,5 điểm.

(Số thu ngân sách để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số thu ngân sách phân cấp năm 2019 của các huyện, thành phố theo báo cáo Cục Thuế tỉnh)

c) Điểm tiêu chí diện tích

- Diện tích tự nhiên:

+ Các địa phương có diện tích đất tự nhiên đến 80 km^2 được tính 8 điểm.

+ Các địa phương có diện tích đất tự nhiên trên 80km^2 đến 200 km^2, từ 0 đến 80 km^2 được tính 8 điểm, phần còn lại cứ 40 km^2 tăng thêm được tính thêm 4 điểm.

+ Các địa phương có diện tích đất tự nhiên trên 200 km^2 đến 400 km^2, từ 0 đến 200 km^2 được tính 20 điểm, phần còn lại cứ 40 km^2 tăng thêm được tính 2 điểm.

+ Các địa phương có diện tích đất tự nhiên trên 400 km^2, từ 0 đến 400 km^2 được tính 30 điểm, phần còn lại cứ 40 km^2 tăng thêm được tính 0,5 điểm.

(Diện tích đất tự nhiên của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu Niên giám thống kê tỉnh Ninh Thuận năm 2019)

- Tỷ lệ che phủ rừng:

+ Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng đến 10% được tính 0,5 điểm.

+ Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 10% đến 50%, được tính 1 điểm.

+ Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 50%, được tính 2 điểm.

(Tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào Quyết định 604/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của UBND tỉnh)

d) Điểm tiêu chí đơn vị hành chính

- Mỗi xã, phường, thị trấn được tính 0,5 điểm.

- Mỗi xã miền núi được tính thêm 0,2 điểm.

đ) Tiêu chí bổ sung

- Địa phương xây dựng đô thị hiện đại, thông minh được tính 15 điểm.

- Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của tỉnh được tính 8 điểm.

- Huyện có quy hoạch khu du lịch quốc gia theo Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ được tính 8 điểm.

- Huyện có đồng bào dân tộc thiểu số miền núi chiếm tỷ lệ từ 50% trở lên nhưng không được hưởng chính sách 30a được tính 8 điểm.

- Huyện xây dựng đô thi loại 4 được tính 5 điểm.

- Vùng an toàn khu được tính 5 điểm.

- Xã an toàn khu được tính 1 điểm (chỉ tính điểm đối với xã không nằm trên địa bàn huyện an toàn khu).

(Số xã an toàn khu theo Quyết định số 1614/QĐ-TTg ngày 22/11/2018 và số 281/QĐ-TTg ngày 19/2/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Số Vùng an toàn khu theo Quyết định số 281/QĐ-TTg ngày 19/2/2020 của Thủ tướng Chính phủ)

Điều 4. Phương pháp xác định mức vốn phân bổ cho các huyện, thành phố

1. Trên cơ sở số điểm của từng huyện, thành phố để xác định tổng số điểm của 7 huyện, thành phố.

2. Số vốn cho 01 điểm bằng tổng số vốn trong cân đối phân cấp cho các huyện, thành phố chia cho tổng số điểm của 7 huyện, thành phố.

3. Số vốn phân bổ cho mỗi huyện, thành phố bằng số vốn của 01 điểm nhân với tổng số điểm của huyện, thành phố đó.

(Đính kèm phụ lục điểm số các tiêu chí phân bổ vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025).

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Đối với các dự án chưa hoàn thành, dự án chuyển tiếp còn thiếu vốn, dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa bố trí vốn hằng năm để thực hiện, dự án dự kiến đầu tư nhưng chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 cho các huyện, thành phố; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan tổ chức lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách địa phương trong giai đoạn 2021-2025.

2. Trong quá trình phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương, Chủ tịch UBND các huyện thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan phải quán triệt thực hiện phân bổ vốn theo nguyên tắc nêu tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án trong kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương trung hạn và hằng năm của Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương quản lý.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh bằng văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2021.

Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ KH&ĐT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Ninh Thuận;
- Trung tâm CNTT và truyền thông (công báo);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, chuyên viên;
- Lưu: VT. ĐN

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Quốc Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
ĐIỂM SỐ CÁC TIÊU CHÍ PHÂN BỔ VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 60 /QĐ-UBND ngày 31 /12 2020 của UBND Tỉnh Ninh Thuận)

STT	Địa phương	Tổng cộng số điểm các tiêu chí giai đoạn 2021-2025	Tỷ lệ % trên tổng số điểm giai đoạn 2021-2025	Tiêu chí dân số					Trình độ phát triển					Diện tích					Đơn vị hành chính					Điểm Tiêu chí bổ sung						
				Tổng số điểm tiêu chí dân số	Dân số		Dân tộc thiểu số		Tổng số điểm tiêu chí trình độ PT	Thu ngân sách theo phân cấp		Hộ nghèo		Tổng số điểm tiêu chí	Diện tích tự nhiên		DT tỷ lệ che phủ rừng		Tổng số điểm ĐV hành chính	Xã, phường		Xã miền núi		Thành phố đô thị thông minh	Huyện kinh tế trọng điểm	Huyện có quy hoạch khu du lịch quốc gia theo NQ 115/NQ-CP	Huyện có đồng bào dân tộc thiểu số miền núi chiếm tỷ lệ từ 50% trở lên nhưng không được hưởng chính sách 30a	Huyện xây dựng đô thị loại 4	Vùng An toàn khu	Xã An toàn khu
					Số người (ngàn người)	Điểm	Số người (ngàn người)	Điểm		Số thu (tỷ đồng)	Điểm	Tỷ lệ (%)	Điểm		Diện tích (km2)	Điểm	Tỷ lệ (%)	Điểm		Tổng số xã	Điểm	Số xã	Điểm							
	Tổng số	**498**	**100%**	**180**	**590,5**	**155,6**	**144**	**24,5**	**27**	**722**	**19**		**8,3**	**195,7**	**3.358**	**188**		**7,5**	**38**	**65**	**33**	**27**	**5,4**	**15**	**8**	**8**	**8**	**5**	**10**	**3**
1	Thành phố PRTC	66,6	13,40%	**34,4**	167,4	33,9	2,9	0,5	**0,7**	311,3	0,5	1,97	0,2	8,5	80,0	**8**		**0,5**	**8**	16	8			**15**						
2	Huyện Ninh Sơn	76,4	15,35%	**25,2**	71,9	22,0	18,78	3,2	**4,2**	61,81	3,0	11,74	1,2	35,7	772,0	**34,7**	48,8	**1,0**	**5,4**	8	4	7	1,4					**5**		**1**
3	Huyện Ninh Phước	74,0	14,87%	**37,8**	128,0	30,7	42,08	7,1	**3,4**	91,4	3,0	3,69	0,4	28,1	342,0	**27,1**	22,4	**1,0**	**4,7**	9	5	1	0,2							
4	Huyện Thuận Nam	72,1	14,49%	**21,5**	57,0	19,0	14,7	2,5	**3,7**	76,66	3,0	7,3	0,7	33,1	566,0	**32,1**	41,6	**1,0**	**4,8**	8	4	4	0,8		**8**					**1**
5	Huyện Ninh Hải	67,4	13,54%	**26,8**	92,2	25,4	8,487	1,4	**3,2**	91,0	3,0	2,0	0,2	23,7	253,0	**22,7**	43,9	**1,0**	**4,7**	9	5	1	0,2			**8**				**1**
6	Huyện Thuận Bắc	68,7	13,81%	**19,6**	43,3	14,4	30,27	5,1	**5,2**	75,87	3,0	22,29	2,2	26,9	318,0	**25,9**	40,8	**1,0**	**4,0**	6	3	5	1				**8**		**5**	
7	Huyện Bác ái	72,3	14,54%	**14,8**	30,6	10,2	26,95	4,6	**6,4**	13,65	3,0	34,25	3,4	39,8	1027,0	**37,8**	58,6	**2,0**	**6,3**	9	5	9	1,8						**5**	